

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 218/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 28/9/2022

V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Xuân Trường**.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Nguyễn Thị Bích Liên**.

Bà **Dương Thị Kim Hồng**.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà **Vũ Thị Huyền** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:**
Bà **Phạm Thị Thùy** - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 217/2022/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 7 năm 2022, về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 288/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 8 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 193/2022/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 9 năm 2022, giữa:

1. Nguyên đơn: Chị **Đào Thị N**, sinh năm 1990.

ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Thôn B, xã P1, huyện G, tỉnh Hải Dương.

Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh **Mai Văn P**, sinh năm 1983.

ĐKKHKT: Thôn B, xã P1, huyện G, tỉnh Hải Dương.

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn B1, xã H, thành phố Hải Dương.

Hiện đang cư trú tại: Đài Loan.

Vắng mặt và có quan điểm đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, Nguyên đơn chị **Đào Thị N** trình bày: Chị và anh **Mai Văn P** kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Gia Lộc (nay là thành phố Hải Dương), tỉnh Hải Dương vào ngày 01/8/2012. Sau khi kết hôn vợ

chồng chung sống với nhau tại thôn B, xã P1, huyện G, tỉnh Hải Dương. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh P không chịu khó làm ăn, chơi bời, cờ bạc dẫn đến nợ nần, chị nhiều lần khuyên bảo nhưng anh không nghe, vợ chồng xô xát bất đồng quan điểm nên anh bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại xã H, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương sinh sống. Năm 2016 - 2017 anh được gia đình lo cho đi lao động tại Đài Loan, mặc dù chị không đồng ý nhưng anh vẫn cương quyết đi. Từ khi đi cho đến nay anh không về nước, thời gian đầu vợ chồng còn liên lạc với nhau nhưng sau đó chị được biết ở Đài Loan anh vẫn chứng nào tật ấy, tiếp tục chơi bời, không chịu sửa đổi, không tu chí làm ăn từ đó vợ chồng ít liên lạc và không quan tâm đến nhau, thi thoảng anh liên lạc về nhà cũng chỉ để gặp gỡ và hỏi thăm các con. Cũng nhiều lần anh giục chị làm đơn ly hôn, nhưng vì con cái nên chị không làm. Nay thời gian vợ chồng sống ly thân đã lâu, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Mai Văn P.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Mai Hải N1, sinh ngày 24/7/2013 và Mai Hải L, sinh ngày 16/12/2017, hiện các con đang ở với chị. Ly hôn, chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung và tự nguyện không yêu cầu anh P phải cấp dưỡng tiền nuôi con. Hiện tại chị là giáo viên dạy tiếng Anh trường Tiểu học P1, ngoài dạy học ở trường chị còn dạy thêm ở trung tâm, thu nhập bình quân từ 12.000.000 - 18.000.000đ/tháng, chị đang ở cùng nhà với bố mẹ đẻ, bố mẹ chị hỗ trợ chị trong việc đưa đón các con đi học trong những lúc chị bận việc. Chị đảm bảo đủ điều kiện để chăm sóc, nuôi dạy cả hai con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do chị N không cung cấp được địa chỉ của anh P nên Tòa án đã tiến hành xác minh tại gia đình anh P. Bà Bùi Thị D1 (mẹ đẻ anh P) trình bày: Bà không biết địa chỉ cụ thể của anh P tại Đài Loan nên không cung cấp cho Tòa án được. Tuy nhiên anh P vẫn thường xuyên liên lạc điện thoại với gia đình. Bà đồng ý nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và đã thông báo cho anh P biết, anh P cho rằng chị N đã có tình cảm với người khác nên anh nhất trí ly hôn. Anh xác định vợ chồng có hai con chung như chị N trình bày là đúng, anh có nguyện vọng được chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con chung cho đến khi các con thành niên và tự nguyện không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Anh xác định vợ chồng không có tài sản chung và đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Con chung của chị N và anh P là Mai Hải N1 có nguyện vọng được ở với chị N.

Tòa án xác minh tại chính quyền địa phương nơi chị N, anh P đăng ký kết hôn và sinh sống thể hiện: Sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống tại địa phương được một thời gian thì chuyển về G sinh sống. Qua nắm bắt địa phương được biết anh P là người chơi bời, nợ nần, chị N cũng là người ăn diện dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng. Sau một thời gian anh P chuyển về nhà bố mẹ đẻ sinh sống thì được gia đình lo cho đi lao động tại Đài Loan từ năm 2017 cho đến nay chưa về

nước, vợ chồng xa cách mỗi người một nơi đến nay thời gian đã lâu. Nay chị N có đơn xin ly hôn, địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56; 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án: Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Đào Thị N ly hôn anh Mai Văn P. Về con chung: Giao con chung Mai Hải N1 và Mai Hải L cho chị N chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Anh P không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Chị N phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn chị Đào Thị N sinh sống tại Việt Nam, bị đơn anh Mai Văn P có nơi cư trú cuối cùng trước khi xuất cảnh ở thôn B1, xã H, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương, hiện anh P đang lao động tại Đài Loan. Do vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương. Quá trình giải quyết vụ án, chị N không cung cấp được địa chỉ cụ thể của anh P tại Đài Loan. Tòa án tiến hành giao các văn bản tố tụng cho bà Diện là mẹ đẻ anh P, đồng thời niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Trong quá trình giải quyết vụ án chị N có đơn đề nghị được xét xử vắng mặt, thông qua gia đình anh P cũng có quan điểm xin được vắng mặt. Do vậy, căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đào Thị N và anh Mai Văn P kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Gia Lộc (nay là thành phố Hải Dương), tỉnh Hải Dương vào ngày 01/8/2012 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh P không chịu khó làm ăn, không chăm lo và không quan tâm đến gia đình vợ con, chơi bời, cờ bạc dẫn đến nợ nần. Năm 2017, anh được gia đình lo cho đi lao động tại Đài Loan nhưng mâu thuẫn vợ chồng không được cải thiện, anh P vẫn chứng nào tật ấy. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị được ly hôn anh P. Thông qua gia đình, anh P nghi ngờ tình cảm của chị N, đồng thời cũng xác định tình cảm

vợ chồng không còn và nhất trí ly hôn. Hội đồng xét xử thấy, mâu thuẫn giữa chị N và anh P đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho chị N ly hôn anh P là phù hợp với quy định tại Điều 51 và 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về quan hệ con chung: Chị Đào Thị N và anh Mai Văn P có 02 con chung là Mai Hải N1, sinh ngày 24/7/2013 và Mai Hải L, sinh ngày 16/12/2017, hiện các con đang ở với chị N. Chị N có quan điểm đề nghị được nuôi dưỡng cả 02 con, thông qua gia đình anh P cũng có quan điểm đề nghị được nuôi dưỡng cả 02 con chung. Xét thấy, nguyện vọng được nuôi dưỡng các con của anh chị là hoàn toàn chính đáng. Tuy nhiên hiện anh P đang lao động tại Đài Loan, không có mặt tại Việt Nam nên anh không đủ điều kiện để trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Chị N là giáo viên có thu nhập và chỗ ở ổn định, chị có điều kiện để dạy dỗ, chăm sóc các con. Hơn nữa các con đang do chị N nuôi dưỡng ổn định, các cháu phát triển tốt, cháu Mai Hải N1 có nguyện vọng được ở với chị N. Hội đồng xét xử xét thấy, cần giao các con chung cho chị N tiếp tục được chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với thực tế và phù hợp với các Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Chấp nhận sự tự nguyện của chị N không yêu cầu anh P phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị N, anh P xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3]. Về án phí: Chị Đào Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (về Hôn nhân gia đình) theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51; 56; 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đào Thị N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Đào Thị N ly hôn anh Mai Văn P.
2. Về quan hệ con chung: Xử giao cho chị Đào Thị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả 02 con chung là Mai Hải N1, sinh ngày 24/7/2013 và Mai Hải L, sinh ngày 16/12/2017 cho đến khi các con thành niên (đủ 18 tuổi). Chấp nhận sự tự nguyện của chị N tạm thời không yêu cầu anh P phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản, nợ chung: Không có.

4. Về án phí: Chị Đào Thị N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm (về Hôn nhân gia đình) và được đối trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu số AA/2020/0001118 ngày 07/7/2022 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương. Chị N đã nộp đủ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Đào Thị N được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Anh Mai Văn P được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND xã H, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương;
- Lưu hồ sơ, VP, Tòa GD&NCTN

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Xuân Trường
(Đã ký)